Thanh khoản sụt giảm mạnh

28/07/2023

Thị trường chứng quyền có diễn biến trầm lắng khi phần lớn các chứng quyền đều biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản giảm mạnh so với phiên trước cho thấy tâm lý của NĐT tiếp tục thận trọng. Các chứng quyền của HPG, NVL và MBB là nhóm được giao dịch tích cực. Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT thận trọng với xu hướng hiện tại của thị trường cơ sở khi rủi ro ngắn hạn có xu hướng tăng lên và NĐT nên chờ đợi cơ hội khi thị trường cơ sở điều chỉnh để cân nhắc giải ngân trở lại.

Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch

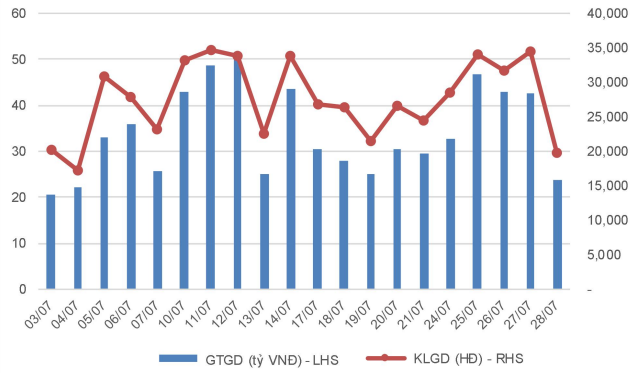

Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền

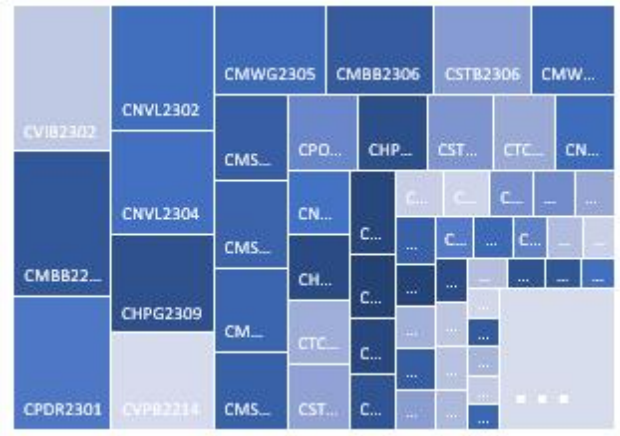

Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở

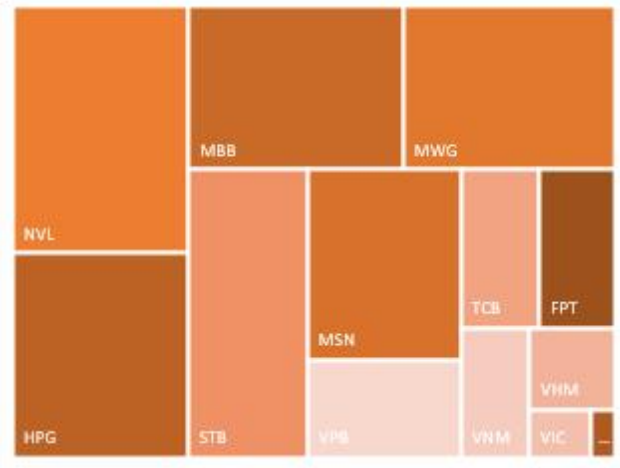

Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DICH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2208	2.2%	1,370	184,900	0.25	ITM	1.4%		25	61%
CACB2301	-5.6%	170	360,500	0.06	OTM	5.4%		5	51%
CFPT2210	-3.2%	900	179,600	0.15	ITM	0.8%	9.39	22	26%
CFPT2213	1.7%	2,350	145,000	0.34	ITM	-0.2%	4.17	25	0%
CFPT2214	0.8%	2,390	16,400	0.04	ITM	1.8%	3.98	66	40%
CFPT2302	1.6%	1,300	31,800	0.04	ITM	-0.2%	7.48	11	0%
CFPT2303	-4.4%	1,310	175,500	0.23	ITM	1.0%	6.33	72	0%
CHDB2301	-2.8%	690	10,800	0.01	ITM	11.5%	4.42	65	62%
CHDB2302	-4.6%	830	25,700	0.02	ITM	12.6%	3.88	82	63%
CHDB2303	-2.5%	790	13,700	0.01	OTM	17.4%	3.49	105	62%
CHDB2304	-2.0%	1,000	18,600	0.02	OTM	26.1%	2.61	170	66%
CHDB2305	-2.1%	930	10,100	0.01	OTM	25.8%	2.66	150	68%
CHDB2306	-1.9%	1,050	10,100	0.01	OTM	33.3%	2.32	236	63%
CHPG2226	-1.3%	4,490	76,000	0.35	ITM	0.6%	3.15	25	70%
CHPG2227	1.4%	4,420	26,900	0.12	ITM	3.7%	3.13	66	70%
CHPG2302	0.0%	4,440	-	-	ITM	2.0%	3.17	41	75%
CHPG2304	-1.7%	2,850	1,100	-	ITM	1.4%	4.96	11	90%
CHPG2305	-3.6%	2,430	21,800	0.05	ITM	-0.8%	5.82	5	0%
CHPG2306	-0.7%	2,920	153,600	0.46	ITM	1.6%	3.17	72	47%
CHPG2307	0.0%	2,030	200	-	ITM	8.8%	3.09	110	68%
CHPG2308	-0.5%	1,860	19,000	0.04	ITM	4.4%	3.60	65	65%
CHPG2309	-0.4%	2,320	376,900	0.89	ITM	9.4%	3.23	213	41%
CHPG2310	0.0%	1,550	5,000	0.01	ITM	4.0%	4.27	45	66%
CHPG2311	-2.8%	2,100	46,500	0.10	ITM	4.7%	3.19	88	62%
CHPG2312	-1.1%	1,800	200	-	ITM	9.5%	3.30	110	64%
CHPG2313	0.9%	2,140	200	-	ITM	12.7%	2.76	153	69%
CHPG2314	1.5%	4,130	53,300	0.22	ITM	5.0%	3.10	152	44%
CHPG2315	-1.0%	1,900	200	-	ITM	25.0%	2.38	235	65%
CHPG2316	1.0%	2,070	1,600	-	OTM	31.3%	2.09	300	67%
CHPG2317	-2.4%	1,610	27,300	0.04	ITM	17.8%	2.94	150	65%
CHPG2318	-1.4%	1,460	25,600	0.04	OTM	23.9%	2.69	170	65%
CHPG2319	0.0%	1,730	53,000	0.09	OTM	30.9%	2.23	236	67%
CMBB2211	0.0%	70	3,000	-	OTM	23.7%	1.72	22	60%
CMBB2214	1.2%	2,610	28,100	0.07	ITM	0.8%	4.21	25	56%
CMBB2215	-0.4%	2,460	501,700	1.24	ITM	4.0%	4.11	66	53%
CMBB2303	-1.7%	590	140,200	0.08	ITM	-0.3%	16.99	5	0%
CMBB2304	-2.8%	700	97,800	0.07	ITM	1.3%	3.14	45	62%
CMBB2305	-1.4%	700	54,600	0.04	ITM	8.9%	2.91	110	75%
CMBB2306	-0.9%	2,200	382,400	0.84	ITM	10.7%	3.67	213	37%
CMSN2215	20.0%	120	1,273,700	0.15	OTM	19.9%	5.17	25	52%
CMSN2301	0.0%	1,660	328,600	0.56	ITM	5.2%	4.39	65	54%
CMSN2302	2.1%	4,460	113,500	0.50	ITM	7.7%	2.80	213	46%
CMSN2303	0.0%	1,210	142,200	0.17	ITM	4.6%	5.63	45	51%
CMSN2304	5.1%	1,850	321,600	0.56	ITM	9.4%	3.69	88	63%
CMSN2305	3.9%	2,140	700	-	ITM	14.0%	3.01	153	61%
CMSN2306	4.2%	1,980	300	-	ITM	15.9%	3.03	150	62%
CMSN2307	3.6%	2,310	5,500	0.01	ITM	23.2%	2.46	236	63%
CMWG2214	-4.3%	890	578,700	0.54	ITM	0.7%	5.81	25	36%
CMWG2215	3.3%	1,250	54,200	0.07	ITM	4.5%	3.92	66	57%
CMWG2302	3.8%	1,090	590,200	0.66	ITM	2.8%	6.26	72	26%
CMWG2303	-0.9%	1,160	49,000	0.06	ITM	-0.9%	2.37	45	0%
CMWG2304	-2.6%	1,120	122,400	0.14	ITM	2.5%	2.42	110	58%
CMWG2305	-2.5%	5,510	152,800	0.86	ITM	5.5%	2.34	213	50%
CNVL2301	2.0%	1,520	266,400	0.41	ITM	6.5%	3.02	65	93%
CNVL2302	0.0%	1,220	874,300	1.13	ITM	15.6%	3.54	82	95%
CNVL2303	0.0%	1,630	56,000	0.09	ITM	30.0%	2.20	170	104%
CNVL2304	0.7%	1,450	623,100	0.93	ITM	16.4%	3.08	105	97%

CNVL2305	3.3%	1,900	186,100	0.35	ITM	16.2%		82	108%
CPDR2301	-1.4%	2,080	531,300	1.14	ITM	12.8%		65	52%
CPDR2302	2.4%	1,680	15,600	0.03	ITM	16.1%		82	54%
CPDR2303	2.0%	2,000	300	-	ITM	23.2%		105	56%
CPDR2304	-2.2%	1,790	77,500	0.14	ITM	34.3%		170	61%
CPDR2305	-2.3%	2,100	59,900	0.13	ITM	25.9%		150	60%
CPOW2301	-3.0%	650	713,300	0.47	OTM	36.8%		236	62%
CPOW2302	1.4%	700	248,900	0.17	OTM	-0.1%	3.32	25	0%
CPOW2303	3.0%	680	46,900	0.03	OTM	1.8%	3.18	66	52%
CPOW2304	1.1%	930	1,300	-	OTM	1.6%	20.04	5	40%
CPOW2305	1.0%	1,030	20,200	0.02	OTM	3.4%	3.47	72	55%
CPOW2306	1.6%	1,270	1,700	-	OTM	11.7%	4.82	65	56%
CSTB2224	3.4%	4,310	42,400	0.18	ITM	18.0%	3.41	110	63%
CSTB2225	1.2%	4,340	10,400	0.05	ITM	20.6%	3.56	213	45%
CSTB2302	2.3%	450	34,900	0.02	ITM	12.0%	6.06	45	54%
CSTB2303	0.3%	3,810	115,800	0.44	ITM	12.2%	4.12	88	56%
CSTB2304	1.5%	670	100,500	0.07	OTM	19.9%	3.66	110	58%
CSTB2305	2.2%	940	3,100	-	OTM	22.1%	3.24	153	57%
CSTB2306	1.3%	2,280	330,700	0.75	OTM	8.7%	5.25	87	41%
CSTB2307	2.4%	420	332,800	0.14	OTM	36.9%	2.26	235	66%
CSTB2308	1.2%	870	46,000	0.04	ITM	46.4%	1.97	300	66%
CSTB2309	4.1%	760	51,700	0.04	OTM	28.3%	2.80	150	64%
CSTB2310	1.1%	930	44,500	0.04	OTM	34.7%	2.58	170	64%
CSTB2311	4.2%	1,720	208,100	0.35	ITM	45.0%	2.08	236	67%
CSTB2312	2.6%	1,180	149,000	0.17	OTM	30.9%	1.09	22	61%
CSTB2313	3.2%	1,280	3,500	-	OTM	-0.3%	4.65	25	0%
CSTB2314	2.2%	910	100	-	OTM	3.6%	4.07	66	51%
CSTB2315	3.7%	850	100	-	OTM	1.1%	7.69	11	55%
CSTB2316	4.0%	1,040	100	-	OTM	8.6%	2.93	213	45%
CTCB2212	20.0%	60	249,900	0.01	OTM	0.0%		5	0%
CTCB2215	2.9%	1,800	227,400	0.41	ITM	2.9%		45	71%
CTCB2216	2.2%	1,880	29,800	0.06	ITM	11.5%		110	72%
CTCB2301	6.9%	1,390	600	-	ITM	7.8%	12.92	22	38%
CTCB2302	1.9%	3,230	109,000	0.35	ITM	3.3%	8.78	25	42%
CTPB2301	0.0%	960	39,700	0.04	ITM	9.3%	5.52	66	47%
CTPB2302	0.0%	700	212,600	0.15	ITM	8.9%	5.21	65	51%
CTPB2303	-1.4%	700	118,200	0.08	ITM	10.5%	3.12	213	45%
CVHM2216	0.0%	190	261,800	0.05	OTM	9.8%	6.19	45	51%
CVHM2219	2.1%	970	116,500	0.11	ITM	7.9%	4.42	88	50%
CVHM2220	-2.3%	1,280	99,900	0.13	ITM	16.6%	3.38	153	54%
CVHM2301	-3.2%	910	500	-	ITM	20.2%	3.18	150	58%
CVHM2302	-1.6%	3,770	11,500	0.04	ITM	28.0%	2.51	236	59%
CVHM2303	-1.6%	600	181,100	0.10	OTM	0.9%		25	58%
CVHM2304	-3.8%	1,250	10,500	0.01	ITM	0.9%		5	33%
CVHM2305	-1.4%	1,360	21,800	0.03	ITM	11.0%		213	36%
CVHM2306	-2.3%	1,270	300	-	OTM	15.1%	4.31	65	59%
CVHM2307	-1.9%	1,590	1,200	-	OTM	18.2%	3.90	82	56%
CVIB2201	-1.5%	3,190	37,900	0.12	ITM	22.9%	3.26	105	57%
CVIB2301	-8.0%	460	250,600	0.12	ITM	30.6%	2.54	170	59%
CVIB2302	-0.4%	2,330	531,700	1.25	ITM	31.7%	2.39	150	61%
CVIC2301	1.5%	660	123,600	0.08	OTM	39.0%	2.02	236	62%
CVIC2302	0.0%	650	81,000	0.05	OTM	7.4%	10.97	25	39%
CVIC2303	1.5%	690	200	-	OTM	4.5%	5.34	65	43%
CVIC2304	1.1%	920	10,800	0.01	OTM	4.4%	6.81	45	42%
CVIC2305	2.4%	840	20,900	0.02	OTM	7.1%	4.67	88	47%
CVIC2306	1.7%	1,170	35,500	0.04	OTM	11.8%	3.66	153	48%
CVNM2212	17.9%	330	633,900	0.20	OTM	15.0%	3.38	150	56%
CVNM2301	6.2%	1,200	99,800	0.12	ITM	22.0%	2.67	236	58%
CVNM2302	8.9%	860	223,300	0.19	ITM	13.0%	14.91	22	42%
CVNM2303	7.5%	1,290	42,000	0.05	ITM	-0.1%	4.28	25	0%
CVNM2304	2.0%	1,550	22,800	0.04	ITM	5.9%	4.82	41	64%
CVNM2305	5.4%	1,570	1,700	-	ITM	0.8%	5.87	11	64%

CVNM2306	4.4%	1,890	700	-	ITM	10.5%	2.51	45	155%
CVPB2212	0.0%	120	672,800	0.08	OTM	18.2%	2.14	110	124%
CVPB2214	0.0%	1,270	664,700	0.87	ITM	10.1%	11.87	22	44%
CVPB2301	-1.1%	900	62,200	0.06	ITM	8.9%	8.63	25	51%
CVPB2302	3.4%	1,840	500	-	ITM	19.1%	5.29	66	52%
CVPB2303	1.9%	540	97,000	0.05	ITM	10.5%	5.24	65	51%
CVPB2304	1.8%	570	112,700	0.06	ITM	11.4%	3.07	213	45%
CVRE2216	-14.3%	180	340,000	0.07	OTM	11.1%	6.55	45	50%
CVRE2220	3.0%	340	429,800	0.15	OTM	9.6%	4.36	88	51%
CVRE2221	-10.0%	450	208,800	0.10	OTM	18.9%	3.38	153	54%
CVRE2302	1.6%	630	99,200	0.07	ITM	23.0%	2.99	150	62%
CVRE2303	-0.4%	2,360	177,600	0.42	ITM	30.5%	2.46	236	62%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp. Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	*Upside ngắn hạn so với giá hiện tại*	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		73.60	GIẢM	TĂNG			76.16	-
DPM	33.10	38.60	TĂNG	TĂNG	36.79	-5%	36.59	(1.06)
FPT	80.50	84.40	TĂNG	TĂNG	90.23	7%	81.29	(12.37)
HDB	18.90	17.25	TĂNG	TĂNG	20.42	18%	16.87	0.75
HPG	22.60	28.30	TĂNG	TĂNG	26.07	-8%	27.28	(0.74)
MBB	18.85	18.70	TĂNG	TĂNG	21.15	13%	18.30	4.15
MSN	79.20	86.10	TĂNG	GIẢM	89.80	4%	81.83	(4.02)
MWG	40.80	54.50	TĂNG	TĂNG	46.45	-15%	50.81	(0.56)
NVL	15.60	18.35	TĂNG	GIẢM	17.69	-4%	16.86	(1.66)
PNJ	78.00	82.60	TĂNG	GIẢM	88.09	7%	78.61	(16.57)
REE	60.60	68.00	TĂNG	TĂNG	69.44	2%	64.83	(2.09)
STB		28.65	GIẢM	TĂNG			29.38	-
TCB	33.50	33.80	TĂNG	TĂNG	36.14	7%	32.24	2.10
VHM	56.30	58.90	TĂNG	TĂNG	60.43	3%	56.29	731.31
VIC		51.50	GIẢM	GIẢM			52.80	-
VJC	97.90	97.80	TĂNG	GIẢM	105.91	8%	95.39	3.19
VNM	69.10	77.40	TĂNG	GIẢM	76.49	-1%	74.35	(1.41)
VPB	19.90	22.10	TĂNG	TĂNG	23.45	6%	21.11	(2.93)
VRE	27.50	28.80	TĂNG	TĂNG	30.14	5%	27.87	(7.09)

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẦM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS

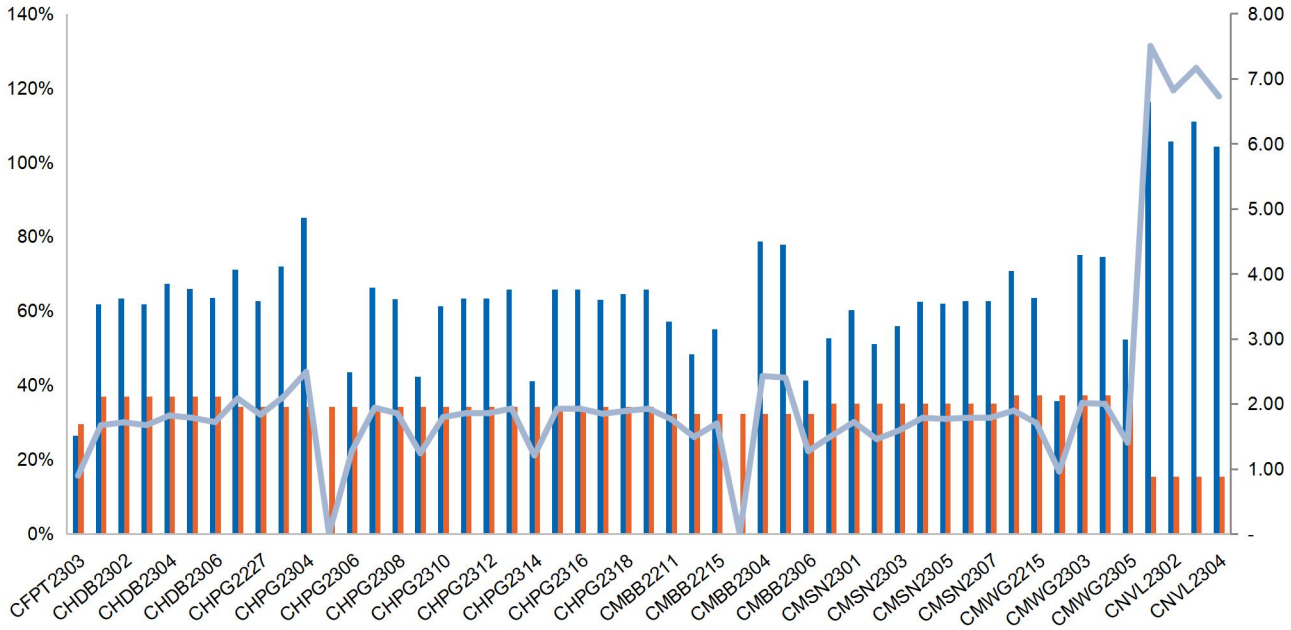

Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng "Độ biến động ngầm định" để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2208	HCM	9 tháng	3.33860 : 1	1,400	10,000,000	17,945	01/09/2023
CACB2301	VCI	6 tháng	1.66930 : 1	1,300	4,000,000	23,120	04/08/2023
CFPT2210	SSI	12 tháng	10.00000 : 1	2,350	11,000,000	90,000	29/08/2023
CFPT2213	HCM	9 tháng	10.00000 : 1	1,800	10,000,000	74,500	01/09/2023
CFPT2214	HCM	11 tháng	10.00000 : 1	1,900	7,000,000	76,000	30/10/2023
CFPT2301	BSI	6 tháng	6.00000 : 1	2,240	1,500,000	84,000	23/06/2023
CFPT2302	MBS	6 tháng	10.00000 : 1	2,300	4,000,000	85,000	14/08/2023
CFPT2303	ACBS	9 tháng	10.00000 : 1	1,510	8,000,000	86,000	07/11/2023
CHDB2301	KISVN	5 tháng	4.00000 : 1	1,000	3,000,000	19,333	27/10/2023
CHPG2226	HCM	9 tháng	2.00000 : 1	2,300	15,000,000	19,500	01/09/2023
CHPG2227	HCM	11 tháng	2.00000 : 1	2,400	15,000,000	20,500	30/10/2023
CHPG2301	BSI	6 tháng	2.00000 : 1	1,970	2,500,000	19,000	23/06/2023
CHPG2302	BSI	9 tháng	2.00000 : 1	2,120	1,500,000	20,000	25/09/2023
CHPG2303	PHS	6 tháng	1.00000 : 1	2,800	3,000,000	23,900	13/07/2023
CHPG2304	MBS	6 tháng	2.00000 : 1	2,700	5,000,000	23,000	14/08/2023
CHPG2305	VCI	6 tháng	2.00000 : 1	1,700	4,000,000	23,200	04/08/2023
CHPG2306	ACBS	9 tháng	3.00000 : 1	1,380	12,000,000	20,000	07/11/2023
CHPG2307	KISVN	8 tháng	4.00000 : 1	1,000	8,000,000	22,666	29/12/2023
CHPG2308	KISVN	5 tháng	4.00000 : 1	1,000	8,000,000	22,111	27/10/2023
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3.00000 : 1	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2310	KISVN	4 tháng	4.00000 : 1	1,000	8,000,000	23,222	29/09/2023
CHPG2311	KISVN	7 tháng	4.00000 : 1	1,100	8,000,000	21,234	29/11/2023
CHPG2312	KISVN	8 tháng	4.00000 : 1	1,000	8,000,000	23,777	29/12/2023
CHPG2313	KISVN	10 tháng	4.00000 : 1	1,100	8,000,000	23,333	28/02/2024
CMBB2211	SSI	12 tháng	3.90150 : 1	1,200	19,000,000	26,335	29/08/2023

CMBB2214	HCM	9 tháng	1.95070 : 1	2,400	10,000,000	16,581	01/09/2023
CMBB2215	HCM	11 tháng	1.95070 : 1	2,500	10,000,000	17,557	30/10/2023
CMBB2301	BSI	6 tháng	3.90150 : 1	1,170	2,500,000	15,899	23/06/2023
CMBB2302	BSI	6 tháng	1.95070 : 1	1,350	1,000,000	18,922	23/06/2023
CMBB2303	VCI	6 tháng	1.95070 : 1	1,100	4,000,000	20,288	04/08/2023
CMBB2304	KISVN	5 tháng	9.75370 : 1	1,000	1,500,000	14,955	29/09/2023
CMBB2305	KISVN	8 tháng	9.75370 : 1	1,000	1,500,000	16,580	29/12/2023
CMBB2306	ACBS	12 tháng	1.95070 : 1	1,800	15,000,000	19,507	22/05/2024
CMSN2215	HCM	9 tháng	10.00000 : 1	2,600	7,000,000	102,000	01/09/2023
CMSN2301	KISVN	5 tháng	10.00000 : 1	1,000	4,000,000	73,979	27/10/2023
CMSN2302	ACBS	12 tháng	6.00000 : 1	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2303	KISVN	4 tháng	10.00000 : 1	1,000	3,000,000	77,999	29/09/2023
CMSN2304	KISVN	7 tháng	10.00000 : 1	1,200	3,000,000	75,678	29/11/2023
CMSN2305	KISVN	10 tháng	10.00000 : 1	1,300	3,000,000	76,789	28/02/2024
CMWG2214	HCM	9 tháng	10.00000 : 1	1,100	7,000,000	46,500	01/09/2023
CSTB2302	VCI	6 tháng	2.00000 : 1	1,700	4,000,000	28,200	04/08/2023
CSTB2303	ACBS	9 tháng	2.00000 : 1	4,500	10,000,000	22,000	07/11/2023
CSTB2304	KISVN	5 tháng	5.00000 : 1	1,000	8,000,000	28,666	27/10/2023
CSTB2305	KISVN	8 tháng	5.00000 : 1	1,000	8,000,000	29,111	29/12/2023
CSTB2306	ACBS	12 tháng	2.00000 : 1	2,600	13,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2309	KISVN	8 tháng	5.00000 : 1	1,000	8,000,000	30,555	29/12/2023
CSTB2310	KISVN	10 tháng	5.00000 : 1	1,200	8,000,000	30,333	28/02/2024
CTCB2212	SSI	12 tháng	4.00000 : 1	2,100	11,000,000	44,000	29/08/2023
CTCB2215	HCM	9 tháng	4.00000 : 1	1,700	10,000,000	26,500	01/09/2023
CTPB2301	VCI	6 tháng	1.94320 : 1	1,000	4,000,000	16,841	04/08/2023
CTPB2302	KISVN	5 tháng	7.18750 : 1	1,000	2,000,000	14,215	29/09/2023
CTPB2303	KISVN	8 tháng	7.18750 : 1	1,000	2,000,000	15,812	29/12/2023
CVHM2216	SSI	12 tháng	8.00000 : 1	1,900	11,000,000	62,000	29/08/2023
CTCB2302	ACBS	12 tháng	3.00000 : 1	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTPB2301	VCI	6 tháng	1.94320 : 1	1,000	4,000,000	16,841	04/08/2023
CTPB2302	KISVN	5 tháng	7.18750 : 1	1,000	2,000,000	14,215	29/09/2023
CVHM2219	HCM	9 tháng	5.00000 : 1	2,800	7,000,000	56,000	01/09/2023
CVHM2220	HCM	11 tháng	5.00000 : 1	3,000	7,000,000	58,000	30/10/2023
CVHM2301	KISVN	5 tháng	8.00000 : 1	1,000	4,000,000	56,879	27/10/2023
CVHM2302	ACBS	12 tháng	4.00000 : 1	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVIB2201	HCM	9 tháng	1.87020 : 1	2,400	7,000,000	19,169	01/09/2023
CVIB2301	VCI	6 tháng	1.87020 : 1	1,700	4,000,000	24,275	04/08/2023
CVIB2302	ACBS	12 tháng	2.00000 : 1	2,000	9,000,000	23,000	22/05/2024
CVIC2301	KISVN	5 tháng	8.00000 : 1	1,000	4,000,000	53,979	27/10/2023
CVHM2305	KISVN	10 tháng	8.00000 : 1	1,200	4,000,000	57,777	28/02/2024
CVIB2201	HCM	9 tháng	1.87020 : 1	2,400	7,000,000	19,169	01/09/2023
CVIB2301	VCI	6 tháng	1.87020 : 1	1,700	4,000,000	24,275	04/08/2023

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân
+84 28 3622 6868 ext 3826
research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification
Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions
BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.
HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.
Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.
Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer
© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written.